

**Phụ lục I.9**  
**PHÂN QUYỀN, CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH,**  
**ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ**  
**CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

**Mục 1**

**PHÂN QUYỀN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BÁO CHÍ**

Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử (đối với cơ quan báo chí của địa phương) quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 20 Luật Báo chí số 103/2016/QH13, khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trình tự, thủ tục chấp thuận nội dung thay đổi nội dung ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử thực hiện theo quy định tại khoản A.II tiểu mục 2.2 Mục 2.

**Mục 2**

**CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Tiểu mục 2.1**

**CẮT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. LĨNH VỰC BÁO CHÍ**

**I. Không thực hiện thủ tục trong lĩnh vực Báo chí**

1. Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong Giấy phép xuất bản phụ trương; chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép xuất bản phụ trương quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 20 Luật Báo chí số 103/2016/QH13, Điều 10 Nghị định số 138/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san. Khi thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép xuất bản phụ trương thì cơ quan báo chí thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí (Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT).

Việc thông báo thực hiện như sau:

a) Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép xuất bản phụ trương, cơ quan báo chí gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan báo chí của địa phương) chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi;

b) Đối với trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích, văn bản thông báo cần đánh giá việc thực hiện tôn chỉ, mục đích theo giấy phép xuất bản phụ trương, lý do thay đổi;

c) Đối với trường hợp thay đổi mẫu trình bày tên gọi phụ trương, gửi kèm theo văn bản thông báo mẫu thay đổi (bản màu), bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với trường hợp thay đổi tên gọi phụ trương thể hiện bằng tiếng nước ngoài).

2. Chấp thuận cho phép hợp báo (trong nước) theo quy định tại Điều 41 Luật Báo chí số 103/2016/QH13 thay bằng văn bản thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

Việc thông báo thực hiện như sau:

a) Khi có nhu cầu hợp báo, cơ quan, tổ chức, công dân gửi thông báo bằng văn bản chậm nhất trước 24 giờ tính đến thời điểm dự định hợp báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí theo quy định

a1) Cơ quan, tổ chức trực thuộc trung ương thông báo cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

a2) Cơ quan, tổ chức không thuộc điểm A.I.2.a.1 tiêu mục này và công dân thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Nội dung thông báo gồm những thông tin sau đây: địa điểm hợp báo; thời gian hợp báo; nội dung hợp báo; người chủ trì hợp báo; tài liệu chứng minh tính hợp pháp của nội dung thông tin được cung cấp cho báo chí trong cuộc hợp báo; danh sách các cơ quan báo chí được mời dự;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về báo chí có trách nhiệm trả lời về việc không được tổ chức hợp báo trong trường hợp thông báo về việc hợp báo của cơ quan, tổ chức, cá nhân không đảm bảo yêu cầu nêu tại điểm A.I.2.b tiêu mục này;

d) Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức hợp báo không đúng nội dung nêu tại điểm A.I.2.b tiêu mục này thì cơ quan quản lý nhà nước có quyền đình chỉ việc hợp báo.

3. Chấp thuận cho phép hợp báo (nước ngoài) quy định tại khoản 10 Điều 56 Luật Báo chí số 103/2016/QH13 thay bằng văn bản thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí

Việc thông báo thực hiện như sau:

a) Khi có nhu cầu tổ chức hợp báo tại Hà Nội, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài phải có văn bản thông báo gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ít nhất là 02 ngày làm việc trước khi tiến hành hợp báo. Đối với cơ quan đại diện nước ngoài, văn bản đề nghị đồng gửi Bộ Ngoại giao để thông báo;

b) Khi có nhu cầu tổ chức họp báo tại các địa phương khác của Việt Nam, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài phải có văn bản thông báo gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ít nhất là 02 ngày làm việc trước khi tiến hành họp báo;

c) Họp báo của đoàn khách nước ngoài thăm Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc Bộ Ngoại giao được thực hiện theo chương trình chính thức của đoàn. Cơ quan chủ quản đón đoàn có trách nhiệm thông báo cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch biết ít nhất là 01 ngày làm việc trước khi tiến hành họp báo để phối hợp;

d) Đối với họp báo của đoàn khách nước ngoài thăm Việt Nam theo lời mời của các bộ, ngành, địa phương và cơ quan nhà nước khác của Việt Nam, cơ quan chủ quản đón đoàn có văn bản thông báo gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ít nhất là 02 ngày làm việc trước khi tiến hành họp báo;

đ) Nội dung thông báo gồm những thông tin sau đây: địa điểm họp báo; thời gian họp báo; nội dung/mục đích họp báo; người chủ trì họp báo; thành phần tham dự họp báo; các hoạt động bên lề (trưng bày tài liệu, hiện vật, phát tài liệu, phát quà...) nếu có;

e) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền không chấp thuận hoặc đình chỉ cuộc họp báo nếu thấy có dấu hiệu vi phạm luật pháp Việt Nam;

g) Nội dung liên quan đến thủ tục thông báo đối với họp báo (nước ngoài) hết hiệu lực kể từ ngày Luật Báo chí số 126/2025/QH15 có hiệu lực thi hành (từ ngày 01 tháng 7 năm 2026). Việc họp báo của cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn về hoạt động của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

## **B. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH**

**I.** Không thực hiện thủ tục hành chính Chấp thuận miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc (Giám đốc), Tổng biên tập nhà xuất bản quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13, Điều 9 Nghị định 195/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị định số 150/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

**II.** Không thực hiện thủ tục hành chính Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh quy định tại Điều 41 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13; Điều 20 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP quy định chi tiết

một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; Mẫu số 29, 30 và 31 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

**III.** Không thực hiện thủ tục Cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm quy định tại Điều 38 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13; Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; Điều 20 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản; Mẫu số 22, 23, 24 và 25 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

**IV.** Không thực hiện thủ tục Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm quy định tại Điều 37 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13; Điều 7, Điều 8, Mẫu số 35 và 36 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

**V.** Không thực hiện thủ tục cấp xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 45 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13; khoản 2 Điều 18 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; Mẫu số 43, 44, 45 Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

## **C. LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**

**I.** Không thực hiện thủ tục Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung thay đổi gồm: ngôn ngữ thể hiện, đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình, loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thư điện tử, đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối Internet ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 20 Luật Báo chí số

**103/2016/QH13 khoản 5 Điều 15 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP, khoản 6 Điều 22 Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15 Điều 1 Luật Quảng cáo số 75/2025/QH15, Điều 14, Điều 16 Nghị định số 342/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo thay bằng văn bản thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.**

Việc thông báo thực hiện như sau:

1. Đối với cơ quan báo chí trung ương gửi thông báo đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

2. Đối với cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố, gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đối với cơ quan báo chí địa phương gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan chuyên môn quản lý về báo chí thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc gửi thông báo được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính (đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với cơ quan báo chí trung ương hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố đối với cơ quan báo chí địa phương).

**II. Việc cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo, quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Báo chí số 103/2016/QH13, khoản 5 Điều 15 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP, khoản 6 Điều 22 Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15 Điều 1 Luật Quảng cáo số 75/2025/QH15, Điều 14, Điều 16 Nghị định số 342/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo được thay bằng văn bản chấp thuận**

Việc đề nghị chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo (Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước) thực hiện như sau:

1. Cơ quan báo chí trung ương gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước; cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cơ quan chuyên môn quản lý về báo chí thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình. Việc gửi văn bản được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ

công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính (đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với cơ quan báo chí trung ương hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố đối với cơ quan báo chí địa phương).

Hồ sơ gồm có: Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí được người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký xác nhận và gửi kèm theo bản màu biểu tượng kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo có ký xác nhận của người có thẩm quyền;

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm C.II.1 tiểu mục 2.1 Mục này có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tại điểm C.II.1 tiểu mục 2.1 Mục này có văn bản chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh chương trình ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước; trường hợp từ chối thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

Cơ quan báo chí nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền giải quyết quy định tại điểm C.II.1 tiểu mục 2.1 Mục này hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

## **D. LĨNH VỰC KARAOKE, VŨ TRƯỜNG**

**I.** Không thực hiện các quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13 và 16 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 148/2024/NĐ-CP.

**II.** Không thực hiện liên thông điện tử nhóm thủ tục hành chính: đăng ký thành lập hộ kinh doanh cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự - cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke tại Nghị định số 297/2025/NĐ-CP quy định thực hiện liên thông điện tử nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký thành lập hộ kinh doanh - cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự - cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.

**III.** Doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi tự chấm dứt kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường quy định tại Điều 14 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP có trách nhiệm gửi văn bản thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP.

**IV.** Cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp tỉnh yêu cầu tạm dừng hoạt động kinh doanh để khắc phục vi phạm bằng văn bản quy định tại

**khoản 1 Điều 15 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP khi doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc một trong các trường hợp sau đây:**

1. Vi phạm quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP nhưng chưa gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản; trường hợp vi phạm các quy định về bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường thì bị đình chỉ hoạt động;

2. Vi phạm lần thứ hai về trách nhiệm khi hoạt động kinh doanh quy định tại các điều 6, 7 và 8 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP.

**Tiểu mục 2.2**

**ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. LĨNH VỰC BÁO CHÍ**

**I. Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong Giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí; chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 20 Luật Báo chí số 103/2016/QH13, Điều 10 Nghị định số 138/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan báo chí của địa phương) thực hiện**

Trình tự, thủ tục chấp thuận nội dung thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí thực hiện như sau:

1. Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, cơ quan báo chí nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan báo chí của địa phương) chấp thuận. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí;

b) Báo cáo đánh giá việc thực hiện tôn chỉ, mục đích theo Giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí (đối với trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích);

c) Mẫu trình bày tên gọi ấn phẩm báo chí (bản màu) có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí (đối với trường hợp thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí, tên gọi cơ quan báo chí, tên gọi ấn phẩm báo chí; hình thức trình bày, vị trí của tên gọi ấn phẩm báo chí).

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**II. Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong Giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử; chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 20 Luật Báo chí số 103/2016/QH13, khoản 2 và khoản 3 Điều 13 Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan báo chí của địa phương) thực hiện**

Trình tự, thủ tục chấp thuận nội dung thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử thực hiện như sau:

1. Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử, cơ quan báo chí nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan báo chí của địa phương) chấp thuận.

2. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí;

b) Báo cáo đánh giá việc thực hiện tôn chỉ, mục đích theo giấy phép chuyên trang có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí (đối với trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích);

c) Mẫu trình bày giao diện trang chủ của chuyên trang (bản màu) có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí (đối với trường hợp thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí, tên gọi cơ quan báo chí, tên gọi chuyên trang, tên miền; hình thức trình bày, vị trí của tên gọi chuyên trang; thay đổi giao diện trang chủ của chuyên trang).

3. Trình tự thực hiện

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## **B. LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**

**I. Cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Báo chí số 103/2016/QH13, các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 15 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP**

**về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP, khoản 6 Điều 22 Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15 Điều 1 Luật Quảng cáo số 75/2025/QH15, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 342/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo (Nghị định số 06/2016/NĐ-CP)**

1. Cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình được đề nghị sản xuất thêm kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo cho cơ quan báo chí trung ương.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo (Giấy phép sản xuất kênh chương trình) thực hiện như sau:

a) Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình gửi hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Hồ sơ gồm có: Đề án đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết này).

Trường hợp đề nghị cấp giấy phép sản xuất nhiều kênh chương trình, cơ quan báo chí đề nghị cấp giấy phép phải làm đề án riêng đối với từng kênh chương trình;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết này); trường hợp từ chối cấp giấy phép thì thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc thư điện tử cho cơ quan báo chí và nêu rõ lý do.

Cơ quan báo chí nhận kết quả tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước có hiệu lực tối đa 10 năm kể từ ngày cấp.

5. Cơ quan báo chí có Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước,

được chủ động cung cấp kênh chương trình theo giấy phép cho các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trong cả nước.

**II. Cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Báo chí số 103/2016/QH13, khoản 5 Điều 15 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP, khoản 6 Điều 22 Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15 Điều 1 Luật Quảng cáo số 75/2025/QH15, Điều 14 và Điều 16 Nghị định số 342/2025/NĐ-CP**

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo (Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước) cho cơ quan báo chí trung ương.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung các nội dung khác ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước, trừ trường hợp quy định tại khoản C.I, và C. II tiểu mục 1.1. Mục này, thực hiện như sau:

a) Trường hợp sửa đổi, bổ sung các nội dung khác ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình:

a1) Đối với đề nghị thay đổi tôn chỉ mục đích: nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Hồ sơ gồm có: Đề án đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình (Mẫu số 01 ban hành kèm Phụ lục I.9 Nghị quyết này);

a2) Đối với đề nghị thay đổi về thời lượng truyền dẫn, phát sóng; thời lượng chương trình tự sản xuất; tên gọi cơ quan báo chí; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng khống chế; phương thức truyền dẫn, phát sóng: cơ quan báo chí gửi 01 bộ hồ sơ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

Hồ sơ gồm có:

Đối với đề nghị thay đổi về thời lượng truyền dẫn, phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất: Báo cáo thay đổi về thời lượng truyền dẫn, phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết này).

Đối với đề nghị thay đổi về tên gọi cơ quan báo chí; địa điểm phát sóng; địa điểm trụ sở gắn với trung tâm tổng khống chế; phương thức truyền dẫn, phát

sóng: Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí được người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký xác nhận; nêu rõ các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung và phải gửi kèm theo tài liệu, giấy tờ hợp pháp chứng minh nội dung thay đổi.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết này đối với trường hợp đề nghị thay đổi tôn chỉ mục đích; Mẫu số 04 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết này đối với các trường hợp sửa đổi, bổ sung khác); trường hợp từ chối cấp giấy phép thì thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc thư điện tử cho cơ quan, tổ chức và nêu rõ lý do.

Cơ quan báo chí nhận kết quả tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

## **C. LĨNH VỰC DU LỊCH**

### **I. Thời hạn giải quyết thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 56 Luật Du lịch số 09/2017/QH14**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh thẩm định và công nhận; trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **II. Thời hạn giải quyết thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 56 Luật Du lịch số 09/2017/QH14**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh thẩm định và công nhận; trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **III. Thời hạn giải quyết thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 56 Luật Du lịch số 09/2017/QH14**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh thẩm định và công nhận; trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**IV. Thời hạn giải quyết thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 56 Luật Du lịch số 09/2017/QH14**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh thẩm định và công nhận; trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**V. Thời hạn giải quyết thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 56 Luật Du lịch số 09/2017/QH14**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh thẩm định và công nhận; trường hợp không công nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**VI. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm quy định tại Điều 61 Luật Du lịch số 09/2017/QH14**

1. Hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết này;

b) 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm hoặc bản điện tử ảnh màu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).

2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm được quy định như sau:

a) Cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh định kỳ hằng năm công bố kế hoạch tổ chức kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm;

b) Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công;

c) Cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh tổ chức kiểm tra và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm đối với người đã đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra.

**VII. Trình tự, thủ tục thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan du lịch nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 69 Luật Du lịch số 09/2017/QH14, Điều 8 Nghị định 138/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch**

1. Hồ sơ đề nghị thành lập văn phòng đại diện phải được hợp pháp hóa lãnh sự, bao gồm:

a) Đơn đề nghị thành lập văn phòng đại diện theo Mẫu số 14 ban hành kèm theo Thông tư 06/2017/TT- BVHTTDL;

b) Quyết định thành lập văn phòng đại diện của cơ quan du lịch nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực;

c) Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng đại diện.

2. Trình tự, thủ tục thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam được quy định như sau:

a) Người đứng đầu văn phòng đại diện nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định và xem xét, quyết định;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản cho người đứng đầu văn phòng đại diện.

### **VIII. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 của Luật Du lịch số 09/2017/QH14**

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

c) Bản gốc Giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành lần đầu hoặc thay đổi phạm vi kinh doanh lữ hành quốc tế);

d) Bản sao bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành về lữ hành của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành; hoặc bản sao bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác và bản sao chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch quốc tế. Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép lữ hành lần đầu);

đ) Bản sao quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép lữ hành lần đầu);

e) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành bản gốc đã được cấp (đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thay đổi phạm vi kinh doanh lữ hành quốc tế).

Đối với thành phần hồ sơ quy định tại khoản này, Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra hồ sơ, tra cứu thông tin trên các cơ sở dữ liệu. Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực.

2. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế được thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế cho doanh nghiệp và thông báo cho cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh nơi doanh nghiệp có trụ sở; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **IX. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 32 của Luật Du lịch số 09/2017/QH14**

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản gốc Giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành lần đầu);

d) Bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành; hoặc bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và bản sao chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch quốc tế hoặc nội địa. Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép lữ hành lần đầu);

đ) Bản sao quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép lữ hành lần đầu);

e) Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành bản gốc đã được cấp (đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

Đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm này, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra hồ sơ, tra cứu thông tin trên các cơ sở dữ liệu. Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực.

2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa được quy định như sau:

a) Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi doanh nghiệp có trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **X. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa quy định tại Điều 60 Luật Du lịch số 09/2017/QH14**

1. Hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch theo mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT- BVHTTDL;

b) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ tương ứng với điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 hoặc điểm b và điểm c khoản 2 Điều 59 của Luật Du lịch số 09/2017/QH14;

Đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm này, Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra hồ sơ, tra cứu thông tin trên các cơ sở dữ liệu. Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu công dân bổ sung,

hoàn thiện hồ sơ, nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực.

c) 01 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm hoặc bản điện tử ảnh màu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).

2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa được quy định như sau:

a) Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến cơ quan quản lý du lịch cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **XI. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quy định tại Điều 62 Luật Du lịch số 09/2017/QH14**

1. Hồ sơ đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL;

c) Bản sao giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

d) 01 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm hoặc bản điện tử ảnh màu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).

đ) Thẻ hướng dẫn viên du lịch đã được cấp.

Đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm này, Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra hồ sơ, tra cứu thông tin trên các cơ sở dữ liệu. Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực.

2. Trình tự, thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch được quy định như sau:

a) Người đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến cơ quan nhà nước đã cấp thẻ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp thẻ có trách nhiệm cấp đổi

thẻ hướng dẫn viên du lịch cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## **XII. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch quy định tại Điều 63 Luật Du lịch số 09/2017/QH14**

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch theo mẫu theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL;

b) 01 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm hoặc bản điện tử ảnh màu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).

c) Bản sao giấy tờ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 60 trong trường hợp thay đổi thông tin ngoại ngữ trên thẻ hướng dẫn viên du lịch;

Đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm này, Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra hồ sơ, tra cứu thông tin trên các cơ sở dữ liệu. Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực.

2. Trình tự, thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch được quy định như sau:

a) Người đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia đến cơ quan nhà nước đã cấp thẻ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp thẻ cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch cho người đề nghị; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## **D. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH**

Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền xác nhận đăng ký hoạt động in và các trường hợp thu hồi giấy xác nhận đăng ký hoạt động in quy định tại Điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP, Nghị định số 72/2022/NĐ-CP và Điều 1 Nghị định số 116/2026/NĐ-CP; Mục VII, Mục VIII của Phụ lục I kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP

I. Trước khi hoạt động, cơ sở thực hiện chế bản, in, gia công sau in sản phẩm in thuộc phạm vi quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP (không bao gồm hoạt động chế bản, in, gia công sau in đối với sản phẩm in bao bì không chứa nhãn hàng hóa) phải thực hiện đăng ký hoạt động in với cơ

quan quản lý nhà nước về hoạt động in để được cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in với cơ quan có thẩm quyền quy định như sau:

1. Việc cấp xác nhận đăng ký hoạt động in (cho cơ sở in trên địa bàn là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các loại hình này) thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Việc cấp xác nhận đăng ký hoạt động in (cho cơ sở in trên địa bàn là hộ kinh doanh) thuộc thẩm quyền của Phòng chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

## **II. Hồ sơ, thủ tục đăng ký hoạt động in**

1. Hồ sơ đăng ký hoạt động in gồm: tờ khai đăng ký hoạt động in theo mẫu quy định; sơ yếu lý lịch của người đại diện pháp luật/người đứng đầu cơ sở in (áp dụng đối với đăng ký hoạt động in sản phẩm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP và điểm c Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 72/2022/NĐ-CP) theo Mẫu số 08 và Mẫu số 09 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP.

2. Cơ sở in nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký hoạt động in trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tới cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản D.I tiểu mục 1.2 Mục này. Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in điện tử có giá trị pháp lý như giấy xác nhận đăng ký hoạt động in bản giấy.

**III.** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các thay đổi về thông tin đã được xác nhận, cơ sở in phải gửi hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in theo Mẫu số 09 và Mẫu số 11 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp qua Cổng dịch vụ công quốc gia đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản D.I tiểu mục 1.2 Mục này để cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

**IV.** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động in, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản D.I tiểu mục 1.2 Mục này có trách nhiệm cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in theo Mẫu số 10 tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ đăng ký hoạt động in, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in không đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản D.I tiêu mục 1.2 Mục này phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở in và nêu rõ lý do.

**V. Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:**

1. Cơ sở in không đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 1 và Điều 3 Nghị định số 25/2018/NĐ-CP trong quá trình hoạt động và đã được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in yêu cầu tạm dừng hoạt động để khắc phục nhưng không khắc phục trong thời hạn yêu cầu;

2. Cơ sở in không hoạt động liên tục trên 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in, trừ trường hợp bất khả kháng được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in chấp thuận bằng văn bản;

3. Cơ sở in chấm dứt hoạt động hoặc bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể hoặc phá sản.

**VI. Trình tự, thủ tục thu hồi giấy xác nhận đăng ký hoạt động in đối với trường hợp quy định tại điểm D.V.1 tiêu mục 1.2 Mục này được thực hiện như sau:**

1. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành kiểm tra tại cơ sở in và lập biên bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản, cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra thông báo bằng văn bản đến cơ quan đã cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in;

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in ban hành văn bản yêu cầu cơ sở in khắc phục các điều kiện không đáp ứng. Thời hạn khắc phục là 30 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản yêu cầu. Hết thời hạn này, nếu cơ sở in không khắc phục hoặc khắc phục không đạt yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi giấy xác nhận đăng ký hoạt động in và yêu cầu cơ sở in nộp lại giấy đã được cấp.

**VII.** Đối với trường hợp thu hồi giấy xác nhận đăng ký hoạt động in quy định tại điểm D.V.2 và D.V.3 tiêu mục 1.2 Mục này, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh hoặc tài liệu chứng minh tình trạng không hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động để ban hành quyết định thu hồi giấy xác nhận đăng ký hoạt động in và yêu cầu cơ sở in nộp lại giấy đã được cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc.

**VIII.** Không áp dụng quy định tại mục Mục VII, Mục VIII của Phụ lục I Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành

chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

### **Mục 3**

#### **CẮT GIẢM ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, KINH DOANH**

##### **A. LĨNH VỰC TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ (TRỪ KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỜNG DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VÀ KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỜNG TRÊN MẠNG)**

Tổ chức, cá nhân kinh doanh trò chơi điện tử tại khoản 1 Điều 35 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa nơi công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 142/2018/NĐ-CP phải đáp ứng yêu cầu về trang thiết bị bảo đảm hình thức, chất lượng âm thanh, hình ảnh của trang thiết bị phù hợp thẩm mỹ Việt Nam.

##### **B. LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM**

**I. Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hộ gia đình phát hành xuất bản phẩm quy định tại các khoản 3 và 4 Điều 36 Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:**

1. Người đứng đầu cơ sở phát hành phải thường trú tại Việt Nam;
2. Có địa điểm kinh doanh xuất bản phẩm hoặc tên miền, gian hàng thương mại điện tử theo quy định của Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15.

**II. Cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật số 19/2012/QH13 phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:**

1. Người đứng đầu cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải thường trú tại Việt Nam;
2. Có đội ngũ nhân viên đủ năng lực thẩm định nội dung sách trong trường hợp kinh doanh nhập khẩu sách.

**III.** Trước khi hoạt động, cơ sở phát hành xuất bản phẩm phải khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm với Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại trên Cổng dịch vụ Công quốc gia. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ thông tin khai báo, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác nhận việc khai báo; trường hợp không cấp xác nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Nội dung khai báo và xác nhận khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm quy định tại Mẫu số 08 và Mẫu số 09 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết này.

**IV.** Trước khi hoạt động, cơ sở nhập khẩu xuất bản phẩm phải khai báo hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên Cổng dịch vụ Công Quốc gia. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ thông tin khai báo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải xác nhận việc

khai báo; trường hợp không cấp xác nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Nội dung khai báo và xác nhận khai báo hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm quy định tại Mẫu số 10 và Mẫu số 11 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết này.

#### **IV. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phát hành xuất bản phẩm**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của thông tin khai báo;
2. Chịu trách nhiệm đối với nội dung, nguồn gốc và tính hợp pháp của xuất bản phẩm kinh doanh;
3. Không được chuyển giao hoặc loại trừ trách nhiệm khi sử dụng bên thứ ba hoặc nền tảng trung gian;
4. Duy trì quy định thông tin liên hệ và chấp hành yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu;
5. Lưu trữ đầy đủ dữ liệu về hoạt động phát hành, nhập khẩu xuất bản phẩm theo quy định;
6. Bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc xuất bản phẩm và xác định tổ chức, cá nhân có liên quan;
7. Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
8. Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã về cơ chế kiểm soát nội dung theo quy mô hoạt động;
9. Thực hiện kiểm soát theo danh mục nội dung bị cấm, hạn chế hoặc cần kiểm soát đặc biệt do cơ quan có thẩm quyền ban hành;
10. Ngăn chặn, gỡ bỏ xuất bản phẩm vi phạm ngay khi phát hiện hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
11. Hoạt động phát hành, nhập khẩu xuất bản phẩm trên môi trường điện tử, nền tảng số và các nội dung có liên quan khác thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

#### **V. Phát hành xuất bản phẩm điện tử**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật số 19/2012/QH13 và Điều 17 Nghị định 195/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản, phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Có máy chủ đặt tại Việt Nam;

- b) Có tên miền Internet Việt Nam theo quy định của pháp luật;
- c) Có biện pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; ngăn chặn sao chép, can thiệp bất hợp pháp vào nội dung xuất bản phẩm;
- d) Có giải pháp kỹ thuật theo quy định về kiểm soát bản quyền số đối với nhà cung cấp nội dung, các kênh phân phối nội dung;
- đ) Có xác nhận khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử. Nội dung khai báo động phát hành xuất bản phẩm điện tử theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết này.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải xác nhận khai báo, trường hợp không xác nhận khai báo phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Nội dung xác nhận hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử theo Mẫu số 13 ban hành kèm theo Phụ lục I.9 Nghị quyết này.

### **C. LĨNH VỰC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ**

**I.** Không thực hiện thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Điều 99 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ.

**II. Tổ chức quy định tại khoản 2 và 2a Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:**

1. Là doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành nghề luật sư được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ;

2. Có ít nhất một cá nhân có thể giám định viên sở hữu trí tuệ được thực hiện hoạt động giám định về sở hữu trí tuệ.

3. Trong 10 ngày làm việc trước khi hoạt động, tổ chức có hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan phải gửi văn bản thông báo hoạt động với tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan các thông tin sau đây:

a) Định danh của tổ chức, cá nhân hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Địa chỉ trụ sở của tổ chức;

c) Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức;

4. Tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan khi tự chấm dứt hoạt

động giám định có trách nhiệm gửi văn bản thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh tới tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan trong 10 ngày làm việc kể từ khi chấm dứt hoạt động.

5. Không áp dụng quy định tại mục I Phụ lục 1 Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

#### **D. LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN**

Khi lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại quy định tại Điều 22 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc lưu chiếu theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.

#### **D. LĨNH VỰC BẢO TÀNG**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ bảo tàng theo quy định tại Điều 81 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 khi bảo đảm quy định tại Điều 65, Điều 67 Luật số 45/2024/QH15, quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## ĐỀ ÁN

### ĐỀ NGHỊ CẤP/SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC

#### I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết.
2. Cơ sở pháp lý.

#### II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ QUAN BÁO CHÍ

1. Tên cơ quan báo chí hoạt động *phát thanh, truyền hình* (viết chữ in hoa): .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: .....
- Website (nếu có): .....
- Giấy phép hoạt động *phát thanh/ truyền hình số...do...cấp ngày.....tháng .....năm.....*

#### III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC (thuyết minh đối với trường hợp đề nghị cấp)

1. Tên kênh chương trình: .....
2. **Biểu tượng kênh chương trình:** (kèm theo bản in màu biểu tượng kênh phát thanh/truyền hình có cam kết của cơ quan báo chí và xác nhận của cơ quan chủ quản (đối với cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình địa phương và bộ, ngành), có xác nhận của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật phê duyệt (đối với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam)
3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình: .....
4. Loại kênh chương trình: (*Phim truyện, Phim hoạt hình, Tin tức, Khoa*

học, Giáo dục, Tổng hợp, Giải trí tổng hợp, Thể thao, Ca nhạc, Quảng cáo...)

**5. Ngôn ngữ thể hiện:** .....

**6. Đối tượng phục vụ:** .....

**7. Thời gian truyền dẫn, phát sóng/ ngày:** (từ ..... giờ đến ..... giờ).

**8. Thời lượng truyền dẫn, phát sóng/ ngày:** (...giờ... phút/ ngày).

**9. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:**  
(...giờ... phút/ ngày)

- Truyền dẫn/ phát sóng mới: (...giờ... phút)

- Truyền dẫn/ phát sóng lại: (...giờ... phút)

**10. Thời lượng chương trình truyền dẫn/ phát sóng mới trong một ngày:**  
(...giờ... phút/ ngày)

**11. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:**

STT	Tên chuyên mục/ loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (...giờ... phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng truyền dẫn, phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
...						

**12. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:**

- Độ phân giải hình ảnh kênh chương trình truyền hình: (Đánh dấu  vào ô phù hợp)

SDTV

HDTV

4K

8K

Khác

(Ghi rõ độ phân giải hình ảnh nếu chọn “khác”).....

- Âm thanh kênh chương trình phát thanh: (Đánh dấu  vào ô phù hợp)



...									
-----	--	--	--	--	--	--	--	--	--

14.6. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật (Trường quay; Diện tích; Số lượng máy quay; Số lượng phòng dựng, bàn dựng, bàn trộn tiếng...):

.....

14.7. Hình thức liên kết:.....

14.8. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết: .....

**15. Địa điểm sản xuất kênh chương trình:.....**

**16. Quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình: .....**

**17. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình:.....**

**18. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)**

Quảng bá

Trả tiền

**19. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu  vào ô trống phù hợp)**

Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số

Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV

Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh

Dịch vụ truyền hình di động

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet

Khác

(Ghi rõ phương thức cung cấp dịch vụ trong trường hợp thuộc diện "khác").....

**20. Kinh phí hoạt động:**

- Kinh phí ban đầu: .....

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: .....

+ Năm 1: .....

+ Năm 2: .....

**21. Các nội dung khác (nếu có):** .....

**22. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:**

22.1. Họ và tên: .....

22.2. Chức danh (*Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó Giám đốc*):.....

**23. Tài liệu kèm theo:**

(1).....

(2).....

(... ).....

**24. Cam kết:**

(*Tên cơ quan báo chí*) xin cam kết:

24.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (*tên cơ quan báo chí*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

24.2. Nếu được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước, (*tên cơ quan báo chí*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp.

**IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC (thuyết minh đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung tôn chỉ, mục đích).**

1. Nội dung đánh giá tình hình triển khai thực hiện Giấy phép sản xuất kênh *phát thanh/truyền hình* đã được cấp.

2. Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung tôn chỉ mục đích của kênh chương trình.

3. Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung tôn chỉ, mục đích của kênh *phát thanh/truyền hình*.

4. Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác (nếu có).

5. Các phương án triển khai thực hiện các nội dung thay đổi trong giấy phép sản xuất kênh *phát thanh/truyền hình* sau khi sửa đổi, bổ sung tôn chỉ, mục đích.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp

(*tên cơ quan báo chí*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

7. Nếu được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước, (*tên cơ quan báo chí*) cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về báo chí và các quy định ghi trong giấy phép được cấp./.

....., ngày... tháng... năm.....

**Cơ quan chủ quản phê duyệt**  
**(Đối với các cơ quan Báo và phát**  
**thanh, truyền hình tỉnh, thành phố**  
**trực thuộc trung ương và bộ, ngành)**  
*(Ký tên đóng dấu)*

....., ngày... tháng... năm.....

**Người đứng đầu cơ quan báo chí<sup>1</sup>**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Chú thích:**

- Đối với hồ sơ đề nghị cấp: kê khai, thuyết minh các mục I, II, III trong biểu mẫu Đề án này.

- Đối với hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung tôn chỉ, mục đích: kê khai, thuyết minh các mục I, II, IV trong biểu mẫu Đề án này.

- Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

<sup>1</sup> Người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật.

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO  
VÀ DU LỊCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY PHÉP**

**SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/ TRUYỀN  
HÌNH TRONG NƯỚC**

**BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

*Căn cứ Luật Báo chí số 103/2016/QH13;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022;*

*Theo đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/kênh chương trình truyền hình trong nước của (tên cơ quan báo chí);*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,*

**CẤP PHÉP CHO:**

**Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình (viết bằng chữ in hoa)**

- Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình số do.....cấp.....ngày..... tháng.....năm.....

Được sản xuất kênh chương trình phát thanh/ truyền hình trong nước theo các nội dung sau:

**1. Quy định về kênh chương trình: (Phát thanh hoặc Truyền hình)**

1.1. Tên kênh chương trình:.....

1.2. Biểu tượng kênh chương trình:.....

1.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:.....

1.4. Loại kênh chương trình: (Phim truyện, Phim hoạt hình, Tin tức, Khoa

*học, Giáo dục, Tổng hợp, Giải trí tổng hợp, Thể thao, Ca nhạc, Quảng cáo...*)

1.5. Ngôn ngữ thể hiện:.....

1.6. Đối tượng phục vụ:.....

1.7. Thời gian *truyền dẫn, phát sóng*/ ngày: (*từ.....giờ...phút... đến.....giờ... phút...*).

1.8. Thời lượng *truyền dẫn, phát sóng*/ ngày: (*....giờ ... phút/ ngày*).

1.9. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày: (*....giờ ... phút/ ngày*).

- *Truyền dẫn/ phát sóng mới*: (*...giờ ...phút*)

- *Truyền dẫn/ phát sóng lại*: (*...giờ ...phút*)

1.10. Thời lượng chương trình *truyền dẫn/ phát sóng mới* trong một ngày: (*....giờ ... phút/ ngày*).

1.11. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

STT	Tên chuyên mục/loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (... giờ ... phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
...						

1.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Đối với kênh chương trình truyền hình

Độ phân giải hình ảnh: .....

- Đối với kênh chương trình phát thanh

Âm thanh:.....

1.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

*Nội dung, khung truyền dẫn/ phát sóng của kênh chương trình (tên kênh chương trình) hoàn toàn giống nhau khi phát sóng theo quy định tại điểm 1.11 (đối với kênh có từ 02 định dạng kỹ thuật trở lên).*

**2. Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình: .....**

**3. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình:**

*Phương thức dịch vụ quảng bá;*

*Phương thức dịch vụ trả tiền.*

#### **4. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:**

*Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số;*

*Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự;*

*Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số;*

*Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV;*

*Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh;*

*Dịch vụ truyền hình di động;*

*Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet;*

*Khác...*

#### **5. Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:**

5.1. Họ và tên: .....

5.2. Chức danh (*Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó Giám đốc*):.....

**6. Các quy định khác:**.....

#### **7. Hiệu lực của Giấy phép:**

- Giấy phép này có hiệu lực tối đa 10 năm kể từ ngày cấp.

- Cơ quan báo chí được cấp phép có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất các hoạt động liên kết sản xuất chương trình trên kênh (nếu có); thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép ./.

##### **Nơi nhận:**

- Cơ quan báo chí được cấp phép;
- Cơ quan chủ quản;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, TP trực thuộc TW (nếu tổ chức hoạt động phát thanh, truyền hình ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương);
- Bộ trưởng;
- .....
- Lưu: VT, Cục PTT&TTĐT.

**BỘ TRƯỞNG**  
(ký tên và đóng dấu)

##### **Chú thích:**

Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

## BÁO CÁO

Về thay đổi thời lượng *truyền dẫn/ phát sóng*, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh chương trình *phát thanh/truyền hình*

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

### I. Thông tin về cơ quan chủ quản:

1. Tên cơ quan chủ quản: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Điện thoại: .....

### II. Thông tin về tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*:

1. Tên tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại: .....
4. Biểu tượng của tổ chức hoạt động *phát thanh/truyền hình*: .....
5. Thông tin về giấy phép hoạt động *phát thanh/ truyền hình*, giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước đã được cấp (số, ngày tháng cấp giấy phép): .....

### III. Nội dung báo cáo

1. Thời gian, thời lượng *truyền dẫn/ phát sóng*, thời lượng tự sản xuất (phát mới/phát lại), thời lượng *truyền dẫn/ phát sóng* mới của kênh chương trình sau khi thực hiện thay đổi; lý do thay đổi.
2. Nêu rõ thời lượng, tỷ lệ thời lượng các nhóm chuyên mục trong bảng cấu tạo khung chương trình cơ bản có thay đổi; lý do thay đổi.
3. Phương án tổ chức sản xuất thời lượng chương trình tăng thêm (nếu có).
4. Khung chương trình dự kiến *truyền dẫn/ phát sóng* trong 01 (một) tháng.

Người đứng đầu cơ quan báo chí<sup>1</sup>

(Ký tên, đóng dấu)

### Chú thích

Các nội dung in nghiêng được khai tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

<sup>1</sup> Người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan báo chí hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật.

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ  
DU LỊCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-BVHTTDL

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY PHÉP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH  
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC**

*(Có giá trị đến ngày.....tháng.....năm.....*

*Cấp lần đầu ngày.....tháng.....năm.....*

*Cấp sửa đổi, bổ sung lần.....ngày.....tháng.....năm.....)*

**BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

*Căn cứ Luật Báo chí số 103/2016/QH13;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022;*

*Căn cứ Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/truyền hình trong nước số ... ngày ... tháng ... năm..... do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp cho (tên cơ quan báo chí);*

*Theo đề nghị tại văn bản/báo cáo/đề án số ... ngày ... tháng ... năm.... của (tên cơ quan báo chí);*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,*

**CẤP PHÉP CHO:**

**Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/truyền hình**

*(viết bằng chữ in hoa)*

- Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình số...do..... cấp.....ngày...tháng..... năm...
- Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/ truyền hình trong nước

số.... do... cấp ngày... tháng.... năm.....

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/truyền hình* trong nước (*tên kênh*):

.....  
 .....

2. Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước (*tên kênh*) có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày ... tháng ... năm.....

Các quy định khác của Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/truyền hình* trong nước (*tên kênh*) số... ngày... tháng... năm... do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp cho (*tên cơ quan báo chí*) vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

3. Cơ quan báo chí có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí; về viễn thông, tần số vô tuyến điện, truyền dẫn, phát sóng; các văn bản pháp luật có liên quan, những quy định ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/truyền hình* trong nước (*tên kênh*) số... ngày... tháng... năm... và Giấy phép này./.

**Nơi nhận:**

- Cơ quan báo chí được cấp phép;
- Cơ quan chủ quản;
- Bộ trưởng;
- .....;
- Lưu: VT, Cục PTT&TTĐT (số bản).

**BỘ TRƯỞNG**

(Ký tên và đóng dấu)

**Chú thích:**

Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH/THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-UBND

..., ngày...tháng...năm...

**GIẤY PHÉP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP SẢN XUẤT KÊNH  
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC**

(Có giá trị đến ngày.....tháng.....năm.....)

Cấp lần đầu ngày.....tháng.....năm.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần.....ngày.....tháng.....năm.....)

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ**

*Căn cứ Luật Báo chí số 103/2016/QH13;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022;*

*Căn cứ Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/truyền hình trong nước số ... ngày ... tháng ... năm..... do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp cho (tên cơ quan báo chí);*

*Theo đề nghị tại văn bản/báo cáo/đề án số ... ngày ... tháng ... năm.... của (tên cơ quan báo chí);*

*Theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan chuyên môn quản lý về báo chí thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố (Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao),*

**CẤP PHÉP CHO:**

**Tên cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố** (viết bằng chữ in hoa)

- Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình số.....do.....cấp ngày...tháng..... năm...

- Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước số.... do... cấp ngày... tháng.... năm.....

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/truyền hình* trong nước (*tên kênh*):

.....

2. Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước (*tên kênh*) có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày ... tháng ... năm.....

Các quy định khác của Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/truyền hình* trong nước (*tên kênh*) số... ngày... tháng... năm... do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp cho (*tên cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*) vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

3. (*Tên cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí; về viễn thông, tần số vô tuyến điện, truyền dẫn, phát sóng; các văn bản pháp luật có liên quan, những quy định ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình *phát thanh/truyền hình* trong nước (*tên kênh*) số... ngày... tháng... năm... và Giấy phép này./.

**Nơi nhận:**

- Cơ quan chủ quản báo chí;
- Cơ quan báo chí;
- UBND, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, TP trực thuộc TW
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;
- Lưu: VT, (số bản).

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên và đóng dấu)

**Chú thích:**

Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày...tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch.....(1).....**

Kính gửi: Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố.....

- Họ và tên (*chữ in hoa*):.....
- Ngày tháng năm sinh: ...../...../.....      - Giới tính:  Nam       Nữ
- Số định danh cá nhân/Căn cước :.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
- Trình độ ngoại ngữ (*đối với người đề nghị cấp thẻ HDV du lịch quốc tế*):  
.....
- Địa chỉ liên lạc:.....
- Điện thoại: ..... - Email: .....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố.....cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch.....(1).....(2)... cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ**

(*Ký và ghi rõ họ tên*)

***Hướng dẫn ghi:***

(1) *Quốc tế, nội địa hoặc tại điểm.*

(2) *Tên điểm du lịch đối với trường hợp cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.*

TÊN DOANH NGHIỆP

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

... .., ngày ... ..tháng... ..năm... ..

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH .....(1).....**

Kính gửi: .....(2).....

**1. Tên doanh nghiệp (chữ in hoa):**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: .....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....

Fax:.....

Website:.....

Email:.....

**3. Thông tin người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp****3.1. Thông tin chung (3)**

Họ và tên:.....

Giới tính:  Nam  Nữ Ngày tháng năm sinh: ...../...../.....

Chức danh:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

**3.2. Đối với người có quốc tịch Việt Nam**

Số định danh cá nhân/ Chứng minh nhân dân: .....

**3.3. Đối với người có quốc tịch nước ngoài**

Hộ chiếu ..... cấp ngày: ... ../...../..... Nơi cấp: .....

Quốc tịch:.....

4. Tên, địa chỉ chi nhánh (nếu có):.....

5. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có):.....

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số..... cấp ngày.../...../..... Nơi cấp: .....

7. Tài khoản ký quỹ số .....tại ngân hàng.....

**8. Lý do đề nghị cấp giấy phép:**

(1) Doanh nghiệp cấp phép lần đầu.

(2) Doanh nghiệp thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Nội dung thay đổi:.....

(3) Doanh nghiệp thay đổi phạm vi kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế.

(4) Doanh nghiệp làm mất, hư hỏng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành đã được cấp.

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị .....(2)..... cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành .....(4)..... cho doanh nghiệp.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Quốc tế hoặc nội địa;

(2) Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (trong trường hợp đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế); Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố... (trong trường hợp đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa).

(3) Cả người có quốc tịch Việt Nam và nước ngoài đều phải ghi.

(4) Ghi rõ phạm vi kinh doanh theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 30 Luật Du lịch.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN  
(NẾU CÓ)  
TÊN CƠ SỞ KHAI BÁO  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: ...../.....(nếu có)

....., ngày .... tháng ... năm....

**Tờ khai**  
**Hoạt động phát hành xuất bản phẩm**

Kính gửi:.....

Tên cơ sở phát hành: .....

Tên người đứng đầu: .....Quốc tịch: .....

Căn cước công dân/hộ chiếu số....., cấp ngày ... tháng ... năm.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....

E-mail: .....

Website (nếu có): .....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Chi nhánh:

- Số lượng chi nhánh: .....

- Địa chỉ, số điện thoại từng chi nhánh: .....

Địa điểm kinh doanh:

- Số lượng địa điểm: .....

- Địa chỉ, số điện thoại từng địa điểm: .....

Căn cứ Nghị quyết số ....., chúng tôi khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm và đảm bảo đủ các yêu cầu sau:

1. Chịu trách nhiệm đối với nội dung, nguồn gốc và tính hợp pháp của xuất bản phẩm kinh doanh;

2. Không được chuyển giao hoặc loại trừ trách nhiệm khi sử dụng bên thứ ba hoặc nền tảng trung gian;

3. Duy trì quy định thông tin liên hệ và chấp hành yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu;

4. Lưu trữ đầy đủ dữ liệu về hoạt động phát hành xuất bản phẩm theo quy định;
5. Bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc xuất bản phẩm và xác định tổ chức, cá nhân có liên quan;
6. Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
7. Báo cáo cấp có thẩm quyền về cơ chế kiểm soát nội dung theo quy mô hoạt động khi có yêu cầu;
8. Thực hiện kiểm soát theo danh mục nội dung bị cấm, hạn chế hoặc cần kiểm soát đặc biệt do cơ quan có thẩm quyền ban hành;
9. Ngăn chặn, gỡ bỏ xuất bản phẩm vi phạm ngay khi phát hiện hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của thông tin khai báo trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN  
(NẾU CÓ)  
TÊN CƠ QUAN XÁC NHẬN  
KHAIBÁO  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng ... năm....

**Xác nhận khai báo  
Hoạt động phát hành xuất bản phẩm**

1. Tên cơ sở phát hành xuất bản phẩm:.....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Số điện thoại: ..... Email: .....
- Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế.....
- Các chi nhánh và địa điểm kinh doanh gồm (nếu có):
- Chi nhánh:
- Số lượng chi nhánh: .....
- Địa chỉ, số điện thoại từng chi nhánh: .....
- Địa điểm kinh doanh:
- Số lượng địa điểm: .....
- Địa chỉ, số điện thoại từng địa điểm: .....
- Đã thực hiện khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN  
(NẾU CÓ)  
TÊN CƠ SỞ KHAI BÁO  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: ...../.....(nếu có)

....., ngày .... tháng ... năm....

**Tờ khai**  
**Hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm**

Kính gửi:.....

Tên cơ sở phát hành: .....

Tên người đứng đầu: .....Quốc tịch: .....

Căn cước công dân/hộ chiếu số....., cấp ngày ... tháng ... năm.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....

E-mail: .....

Website (nếu có): .....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Căn cứ Nghị quyết số ....., chúng tôi khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm và đảm bảo đủ các yêu cầu sau:

1. Chịu trách nhiệm đối với nội dung, nguồn gốc và tính hợp pháp của xuất bản phẩm nhập khẩu;

3. Duy trì quy định thông tin liên hệ và chấp hành yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu;

4. Lưu trữ đầy đủ dữ liệu về hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm; danh sách nhân viên thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu.

5. Xuất bản phẩm nhập khẩu phải đảm bảo về bản quyền, khả năng truy xuất nguồn gốc xuất bản phẩm nhập khẩu;

6. Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

7. Báo cáo cấp có thẩm quyền về cơ chế kiểm soát nội dung theo quy mô hoạt động và báo cáo thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu định kỳ;

8. Thực hiện kiểm soát theo danh mục nội dung bị cấm, hạn chế hoặc cần kiểm soát đặc biệt do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

9. Ngăn chặn, gỡ bỏ xuất bản phẩm vi phạm ngay khi phát hiện hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

10. Thực hiện trách nhiệm thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu trước khi phát hành ra thị trường.

Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của thông tin khai báo trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN  
(NẾU CÓ)  
TÊN CƠ QUAN XÁC NHẬN  
KHAIBÁO  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng ... năm....

**Xác nhận khai báo  
Hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm**

Tên cơ sở khai báo hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm: .....

Tên người đứng đầu: .....Quốc tịch: .....

Căn cước công dân/hộ chiếu số....., cấp ngày ... tháng ... năm.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....

E-mail: .....

Website (nếu có): .....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Đã thực hiện khai báo hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN  
(NẾU CÓ)  
TÊN CƠ SỞ KHAI BÁO  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: ...../.....(nếu có)

....., ngày .... tháng ... năm....

### Tờ khai

#### Hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử

Kính gửi:.....

Tên cơ sở phát hành xuất bản phẩm điện tử : .....

Tên người đứng đầu: .....Quốc tịch: .....

Căn cước công dân/hộ chiếu số....., cấp ngày ... tháng ... năm.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....

E-mail: .....

Website: .....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Căn cứ Nghị quyết số ....., chúng tôi khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử và đảm bảo đủ yêu cầu sau:

1. Đề án hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử.
2. Văn bản phê duyệt đề án hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của thông tin khai báo trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN XÁC NHẬN  
KHAIBÁO  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: ...../

....., ngày .... tháng ... năm....

**Xác nhận khai báo  
hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử**

Tên cơ sở khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử: .....

Tên người đứng đầu: .....Quốc tịch: .....

Căn cước công dân/hộ chiếu số....., cấp ngày ... tháng ... năm.....

Nơi cấp.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....

E-mail: .....

Website: .....

Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế.....

Đã thực hiện khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm điện tử.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*